

Số: /2026/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 113-QĐ/VPTW, ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Ban chấp hành đảng bộ xã, phường (sau đây gọi là Đảng ủy xã, phường); Ban thường vụ

Đảng ủy xã, phường và các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đảng ủy các xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường và các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc chung

a) Kinh phí trong Quy định này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Việc chi tiêu phục vụ hoạt động của Đảng ủy xã, phường phải có trong dự toán, bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này và quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Nội dung chi tại Quy định này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ. Các nội dung chi không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt quá mức chi tại quy định này; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

Điều 3. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường ban hành

1. Chi xây dựng văn bản

1.1. Đối với văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

a) Văn bản do Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 25.000.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 15.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi: 15.000.000 đồng/văn bản.

1.2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi bằng 60% quy định tại điểm 1.1, Khoản 1 Điều này.

1.3. Mức chi quy định tại khoản 1 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a, điểm b khoản này: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

1.4. Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Đảng ủy xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường xem xét, quyết định mức chi.

Mức chi quy định tại khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Chi xây dựng dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, đề án, báo cáo giải trình nếu có).

b) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

c) Chi thuê chuyên gia (nếu có), sản phẩm là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp. Mức khoán chi chuyên gia tối đa không quá 10% tổng mức chi xây dựng văn bản.

d) Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học, Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

2.1. Mức chi

a) Văn bản trình Đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 7.500.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 5.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

2.2. Mức chi quy định tại điểm 2.1 Khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

2.3. Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cần thuê chuyên gia, Văn phòng Đảng ủy xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường xem xét, quyết định mức chi.

Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

2.4. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

Điều 4. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy xã, phường; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng ủy xã, phường: Mức chi 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của Đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy: Mức chi 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy xã, phường; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của Đảng ủy xã, phường: Mức chi 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của Đảng ủy xã, phường: Mức chi 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy xã, phường, Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường: Mức chi 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi hợp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chi hội nghị

Chế độ chi hội nghị thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; đối với tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ của đại biểu và khách mời một số hội nghị được quy định như sau:

1. Hội nghị do Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường triệu tập và chủ trì (không bao gồm hội nghị thường kỳ của Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường) được khoán chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị; mức chi bằng mức chi quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với đại biểu ở xa phải nghỉ lại trong thời gian hội nghị, thì được chi tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại khoản 4, Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội nghị tổng kết năm theo ngành của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường tổ chức được khoán chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị; mức chi bằng mức chi quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Chi trang phục

Các đồng chí ủy viên Ban thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi: 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Quốc hội hoặc là Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân. (Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách xã, phường đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng 8 năm 2026.
2. Các nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy và các quy định hiện hành khác.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan nêu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XVI, Kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Minh Ngân